

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2025/HS-ST

Ngày: 19/11/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm và bà Phạm Thị Bích Thủy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/HS-ST ngày 21/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 05/11/2025 đối với bị cáo:

Bùi Văn H, sinh ngày 20/9/2002 tại xã Y, tỉnh T.

Nơi thường trú và chỗ ở: khu H, xã Y, tỉnh T;

Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không;
Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố đẻ: Bùi Văn N (Đã chết); Mẹ đẻ: Lê Thị H; Sinh năm: 1969; Hiện ở: khu H, xã Y, tỉnh T.

- Anh chị em ruột: Không có; vợ con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2025, ngày 14/5/2025 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực P - Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh P cho đến nay. (có mặt)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 1, phường P (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: khu H, xã Y, tỉnh T.

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 1, phường P (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua trung gian môi giới việc làm, ngày 31/3/2025 chị Nguyễn Thị T đã thuê Bùi Văn H làm nhân viên bốc vác hàng hoá tại cửa hàng nông sản của gia đình. H bắt đầu đi làm từ ngày 01/4/2025 và được chị T cho ở nhờ tại phòng nghỉ bên cạnh nhà kho của cửa hàng.

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 09/5/2025, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 36M5-118.11 từ cửa hàng đến nhà ở của chị T (cách đó khoảng 500m) để đi vệ sinh. Khi đến nơi, H thấy cửa nhà không khóa, không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H đi vào trong phòng ngủ của vợ chồng chị T ở tiếp giáp phòng khách, dùng tay mở các ngăn kéo của chiếc tủ nhựa trong phòng nhưng không thấy tài sản gì có giá trị. Tại ngăn trên cùng của tủ nhựa chỉ có 1 số tiền lẻ cùng chùm chìa khoá trong đó gồm 01 chìa khoá bằng kim loại sáng màu và 02 chìa khoá có phần chuỗi nhựa màu đen, phần chìa khoá hình tròn bằng kim loại sáng màu. H quan sát thấy bên cạnh tủ nhựa có đặt 02 chiếc kết sắt chồng lên nhau, chiếc phía trên nhỏ hơn có màu đen, nhãn hiệu Việt Tiệp, mặt trước có 02 lỗ cắm chìa khoá, có một màn hình nhỏ và một bàn phím số, chiếc bên dưới to hơn có màu xám đen. H dùng chùm chìa khoá trong ngăn tủ nhựa nói trên cắm thử vào 02 lỗ cắm chìa khoá của chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, rồi dùng 2 tay đồng thời xoay cả 2 chìa khoá thì kết sắt bật ra. H mở kết sắt thấy bên trong có nhiều tiền, mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng... liền cầm toàn bộ số tiền trên nhét vào 2 túi quần đang mặc thì nghe tiếng bước chân ngoài cửa nên vội khép cửa kết sắt (chưa kịp khóa) rồi đi ra để tránh bị phát hiện. Khi ra đến cửa phòng, thấy ông Phạm Hồng N, sinh năm 1943 là bố chồng chị T đi vào nhà, H chào ông N rồi giả vờ sắp xếp hàng hóa ở phòng khách. Khoảng 5 phút sau ông N đi về, H quay vào phòng ngủ của chị T khóa kết sắt, để chìa khoá vào vị trí cũ. Sau đó, H điều khiển xe mô tô đi về cửa hàng, vào phòng ngủ cất toàn bộ số tiền vừa trộm cắp được vào ba lô rồi ra bốc xếp hàng hóa lên xe ô tô tải, cùng anh Phạm Văn L, sinh năm 1982 là chồng chị T đi giao hàng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, ông N đến cửa hàng nói với chị T về việc thấy H đi vào trong phòng ngủ của vợ chồng chị. Chị T mở camera

giám sát ở nhà thì thấy H có đi vào trong phòng ngủ của vợ chồng chị khoảng 10 phút. Nghi ngờ H trộm cắp tiền của gia đình nên chị về nhà kiểm tra thì phát hiện mất số tiền 55.360.000 đồng để trong két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp ở phòng ngủ. Xác định đúng sự việc, chị T gọi điện trao đổi với chồng lúc đó đang đi giao hàng cùng với H. Anh L bảo chị T kiểm tra ba lô của H thấy có nhiều tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng,...Chị T để nguyên tiền trong ba lô và gọi điện thoại nói với anh L đưa H về. Tại đây, H đã thừa nhận hành vi trộm cắp tiền của gia đình chị T và kiểm đếm được 55.360.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*). Chị T đã trình báo sự việc và giao nộp số tiền trên đến cơ quan công an để làm rõ. Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của nhà anh chị T L như đã nêu trên.

Ngày 14/5/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh P đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Bùi Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 BLHS. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn làm rõ ngoài lần trộm cắp 55.360.000 đồng nêu trên, H còn trộm cắp của gia đình chị T số tiền 88.000.000 đồng cụ thể như sau:

Buổi sáng ngày 28/4/2025, H được giao bốc xếp hàng tại nhà ở của chị T. Khoảng 09 giờ cùng ngày, H không thấy có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H đi vào trong phòng ngủ của vợ chồng chị T bật điện sáng rồi mở ngăn trên cùng của chiếc tủ nhựa đặt cạnh 02 chiếc két sắt thì thấy có nhiều tiền gồm các mệnh giá khác nhau, buộc bằng dây nịt. H dùng tay rút tất cả các tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng đút vào túi quần đang mặc rồi tắt điện đi ra ngoài. Sau đó, H quay về phòng nghỉ ở cạnh cửa hàng cất tiền vừa trộm cắp được vào ba lô và tiếp tục làm việc. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H lấy số tiền đã trộm cắp được ra đếm thì xác định có 88.000.000 đồng (*Tám mươi tám triệu đồng*). H đến cửa hàng bán tạp hóa của chị Nguyễn Thị N tự nhận là nhân viên tiếp thị cần chuyển tiền về để nộp cho công ty và nhờ chị N chuyển hộ tiền vào tài khoản. Chị N đồng ý. H đưa cho chị N số tiền 88.000.000 đồng, chị N sử dụng tài khoản 1986666666667 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, đứng tên Nguyễn Thị N chuyển số tiền 88.000.000 đồng đến tài khoản 9992092002 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội của H. Sau đó, H đã sử dụng số tiền này nạp chơi game online.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn H khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị can phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản trộm cắp, vật chứng thu giữ và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với chị Nguyễn Thị N là người H nhờ chuyển khoản số tiền 88.000.000 đồng trộm cắp được vào tài khoản của H. Quá trình điều tra xác định, chị N hiện đang kinh doanh cửa hàng tạp hoá tại khu 2, phường P, tỉnh P. Chị N không quen biết hoặc có mối quan hệ nào với H. Hàng ngày có nhiều khách đến mua hàng cũng đưa tiền mặt nhờ chuyển vào tài khoản hộ. Chị N không biết, không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của H nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là đúng quy định.

Đối với số tiền trộm cắp được ngày 28/4/2025, H khai nhận đã sử dụng để chơi Game online trên mạng bằng điện thoại di động và chi tiêu cá nhân hết. Do thời gian đã lâu H không nhớ tài khoản và mật khẩu đăng nhập trò chơi, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Nguyên nhân, động cơ phạm tội của bị can là vì vụ lợi.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, bị can đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị can đã tác động đến mẹ đẻ là bà Lê Thị H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bản thân H tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/2022 đến tháng 02/2024 đã tích cực rèn luyện. Ngày 15/9/2022 được Chính uỷ Trường Quân sự Quân khu 4 tặng Giấy khen vì đã Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong khoá học. Ngày 02/12/2023 được Chính uỷ Trung đoàn 1 tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2023.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị can đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị T vào các ngày 28/4/2025 và 09/5/2025 với số tiền lần lượt là 88.000.000 đồng và 55.360.000 đồng, các hành vi đó đều chưa bị truy cứu hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị can phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp của gia đình chị T, khi thực hiện hành vi trộm cắp H mở bằng chìa khóa, không gây hư hỏng gì nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Chiếc kết sắt và chùm chìa khoá gồm 03 chiếc, trong đó 02 chiếc phần đầu chìa bằng kim loại, chuôi bằng nhựa màu đen, 01 chiếc phần đầu chìa và phần đuôi bằng kim loại cùng số tiền 55.360.000 đồng là tài sản hợp pháp của gia đình chị T. Ngày 25/5/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T các tài sản trên là đúng quy định.

Hiện cơ quan điều tra đang tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, gắn sim số 0349279453; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax không gắn sim; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter gắn biển số 36M5-118.11; 01 chiếc ba lô màu xanh của Bùi Văn H được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh P.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/8/2025 Bùi Văn H đã tác động đến mẹ đẻ là bà Lê Thị H tự nguyện bồi thường chị Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Chị T đã nhận số tiền trên và yêu cầu H phải bồi thường thêm số tiền 40.000.000 đồng.

Về điều kiện kinh tế: Bị can hiện đang ở nhờ nhà mẹ đẻ, ngoài chiếc xe mô tô và 02 chiếc điện thoại di động bị tạm giữ, H không có tài sản gì khác có giá trị.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như trên, không có lời bào chữa nào khác

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSKV2 ngày 20/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị hại là chị Nguyễn Thị T xác nhận đã nhận số tiền 50.000.000 đồng do bà Lê Thị H (mẹ đẻ bị cáo H) bồi thường. Chị T yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho chị số tiền 38.000.000 đồng.

Bà Lê Thị H trình bày bị cáo H đã tác động đến gia đình để bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Bà cho bị cáo H số tiền trên, không yêu cầu bị cáo H phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 33 tháng đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax gắn sim số 0349279453; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax không gắn sim; 01 chiếc ba lô màu xanh và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter gắn biển số 36M5-118.11 nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án

Xác nhận ngày 25/5/2025 cơ quan điều tra đã trả Chiếc kết sắt và chùm chìa khoá gồm 03 chiếc, trong đó 02 chiếc phần đầu chìa bằng kim loại, chuôi bằng nhựa

màu đen, 01 chiếc phần đầu chìa và phần đuôi bằng kim loại cùng số tiền 55.360.000 đồng là tài sản hợp pháp của gia đình chị T

Về trách nhiệm dân sự : Xác nhận mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị H đã bồi thường cho chị T số tiền 50.000.000 đ.

Buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị T số tiền 38.000.000 đ

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

+ *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 4/2025 đến đầu tháng 5/2025, tại nhà chị Nguyễn Thị T thuộc khu 1 H, phường P, tỉnh P; Bùi Văn H đã 02 lần trộm cắp tài sản của gia đình chị T với tổng số tiền là 143.360.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*). Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 28/4/2025, H trộm cắp của gia đình chị T số tiền 88.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 09/5/2025, H trộm cắp của gia đình chị T số tiền 55.360.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi phạm tội của Bùi Văn H đã đủ yếu tố

cấu thành tội “trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

+ *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:*

Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mức độ phạm tội là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật; có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe nhưng không chịu rèn luyện bản thân. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Thanh vào các ngày 28/4/2025 và 09/5/2025 với số tiền lần lượt là 88.000.000 đồng và 55.360.000 đồng, các hành vi đó đều chưa bị truy cứu hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động đến mẹ đẻ là bà Lê Thị H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b,s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bản thân H còn tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/2022 đến tháng 02/2024 đã tích cực rèn luyện. Ngày 15/9/2022 được Chính uỷ Trường Quân sự Quân khu 4 tặng Giấy khen vì đã Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong khoá học. Ngày 02/12/2023 được Chính uỷ Trung đoàn 1 tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2023 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng cần phải áp dụng hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo.

+ *Về hình phạt bổ sung:* Tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ”. Xét thấy, bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị ngoài chiếc xe máy và 02 chiếc điện thoại là phương tiện mưu sinh của bị cáo, bị cáo cũng không có nghề nghiệp ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với chị Nguyễn Thị N là người H nhờ chuyển khoản số tiền 88.000.000 đồng trộm cắp được vào tài khoản của H. Quá trình điều tra xác định, chị N hiện

đang kinh doanh cửa hàng tạp hoá tại khu 2, phường P, tỉnh P. Chị N không quen biết hoặc có mối quan hệ nào với H. Hàng ngày có nhiều khách đến mua hàng cũng đưa tiền mặt nhờ chuyển vào tài khoản hộ. Chị N không biết, không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của H nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với số tiền trộm cắp được ngày 28/4/2025, H khai nhận đã sử dụng để chơi Game online trên mạng bằng điện thoại di động và chi tiêu cá nhân hết. Do thời gian đã lâu H không nhớ tài khoản và mật khẩu đăng nhập trò chơi, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[3] Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax gắn sim số 0349279453 ; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax không gắn sim; 01 chiếc ba lô màu xanh ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter gắn biển số 36M5-118.11 là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo nhưng để bảo vệ quyền lợi cho bị hại nên cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án là phù hợp.

Xác nhận ngày 25/5/2025 cơ quan điều tra đã trả Chiếc kết sắt và chùm chìa khoá gồm 03 chiếc, trong đó 02 chiếc phần đầu chìa bằng kim loại, chuôi bằng nhựa màu đen, 01 chiếc phần đầu chìa và phần đuôi bằng kim loại cùng số tiền 55.360.000 đồng là tài sản hợp pháp của gia đình chị T

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T xác nhận đã nhận số tiền 50.000.000 đồng do bà Lê Thị Hbồi thường, chị yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho chị số tiền 38.000.000 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

Bà Lê Thị H trình bày bị cáo H đã tác động đến gia đình để bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Bà cho bị cáo H số tiền trên, không yêu cầu bị cáo H phải trả xét thấy là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về tội danh và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 33(ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/5/2025

[3] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax cũ gắn sim số 0349279453 đã qua sử dụng ; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax không gắn sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc ba lô màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter gắn biển số 36M5-118.11, xe cũ đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án

(Vật chứng có tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/10/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Phú Thọ)

Xác nhận ngày 25/5/2025 cơ quan điều tra đã trả Chiếc kết sắt và chùm chìa khoá gồm 03 chiếc, trong đó 02 chiếc phần đầu chìa bằng kim loại, chuôi bằng nhựa màu đen, 01 chiếc phần đầu chìa và phần đuôi bằng kim loại cùng số tiền 55.360.000 đồng là tài sản hợp pháp của gia đình chị T

Về trách nhiệm dân sự : Xác nhận mẹ đẻ bị cáo là bà Lê Thị H đã bồi thường cho chị T số tiền 50.000.000 đ.

Buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 38.000.000 đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải có nghĩa vụ chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 1.900.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người TGT
- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THA DS tỉnh Phú Thọ
- THA hình sự Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại TG số 1 Công an tỉnh Phú Thọ
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong Phú